

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 35

12-0
TY
HH
Y
NA
HÁ
NỘ
M-

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314594467 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2017 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 20 tháng 10 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Thông tin chi tiết về hoạt động chính của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1 của báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1031, Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2021
Ông Craig David Schemeizer	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2021
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên	
Bà Nguyễn Minh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Ông Christopher E. Freund	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 10 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 13 tháng 10 năm 2021 là Ông Nguyễn Vũ Nghĩa và từ ngày 14 tháng 10 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Tuấn Anh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:



Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2022

Số tham chiếu: 61450736/22573643-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập Ngày 5 tháng 4 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1



Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4482-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		325.498.903.895	161.181.481.440
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	46.228.992.847	41.497.722.751
111	1. Tiền		25.528.992.847	41.497.722.751
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.700.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		78.098.321.820	31.500.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	14.951.321.820	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	63.147.000.000	31.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		101.526.611.427	22.990.821.916
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.325.593.592	739.217.691
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	75.794.951.157	15.015.107.355
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.510.000.000	1.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	22.896.066.678	6.236.496.870
140	IV. Hàng tồn kho		88.026.678.994	57.149.172.852
141	1. Hàng tồn kho	10	88.026.678.994	57.149.172.852
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.618.298.807	8.043.763.921
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	11.437.396.714	7.581.919.864
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		175.426.304	461.844.057
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.475.789	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		54.124.330.638	28.761.286.875
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.230.447.075	7.358.947.075
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	11.230.447.075	7.358.947.075
220	II. Tài sản cố định		26.528.058.732	14.266.733.713
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	19.445.864.317	6.417.077.708
222	Nguyên giá		26.304.275.784	10.535.604.499
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.858.411.467)	(4.118.526.791)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	7.082.194.415	7.849.656.005
228	Nguyên giá		12.538.317.514	11.577.088.459
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.456.123.099)	(3.727.432.454)
260	III. Tài sản dài hạn khác		16.365.824.831	7.135.606.087
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.365.824.831	7.135.606.087
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		379.623.234.533	189.942.768.315

1180
CÔNG
TNI
ST &
VIỆT
CHI N
HÀ
KIẾN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		220.474.441.326	114.807.450.708
310	I. Nợ ngắn hạn		150.882.246.316	114.807.450.708
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	27.010.288.961	38.120.186.656
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	3.082.269.452	3.591.028.321
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.343.730.206	3.302.918.334
314	4. Phải trả người lao động		12.933.463.141	7.952.501.745
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	38.791.234.215	21.976.468.859
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		288.476.999	239.999.999
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	763.848.459	639.440.307
320	8. Vay ngắn hạn	18	62.668.934.883	38.984.906.487
330	II. Nợ dài hạn	18	69.592.195.010	-
338	1. Vay dài hạn		69.592.195.010	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		159.148.793.207	75.135.317.607
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	159.148.793.207	75.135.317.607
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		43.453.840.000	35.561.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		43.453.840.000	35.561.540.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		246.792.160.000	174.711.505.830
421	3. Lỗ lũy kế		(131.100.477.837)	(135.136.255.133)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(135.136.255.133)	(102.317.721.774)
421b	- Lợi nhuận/(lỗ) năm nay		4.035.777.296	(32.818.533.359)
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	3.271.044	(1.473.090)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		379.623.234.533	189.942.768.315

Nguyễn Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	425.966.343.628	296.060.759.850
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	425.966.343.628	296.060.759.850
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(201.152.850.909)	(158.243.317.194)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		224.813.492.719	137.817.442.656
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	4.530.912.173	3.237.958.747
22	7. Chi phí tài chính	23	(5.161.312.607)	(5.627.182.369)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.958.998.812)	(5.162.592.461)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(158.242.849.824)	(126.584.959.357)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(61.269.054.001)	(44.005.455.095)
30	10. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		4.671.188.460	(35.162.195.418)
31	11. Thu nhập khác	25	1.105.246.853	4.095.960.638
32	12. Chi phí khác	25	(1.740.553.883)	(1.753.190.492)
40	13. Lợi nhuận khác	25	(635.307.030)	2.342.770.146
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		4.035.881.430	(32.819.425.272)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
60	16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		4.035.881.430	(32.819.425.272)
61	17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ		4.035.777.296	(32.818.533.359)
62	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20	104.134	(891.913)
70	19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	30	1.030	(11.824)
71	20. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	30	1.030	(11.824)

Nguyễn Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 5 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		4.035.881.430	(32.819.425.272)
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	11,12	5.262.903.297	3.964.190.906
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	6.409.745
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.597.636.589)	(2.201.647.331)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu		4.976.466.549	5.162.592.461
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.677.614.687	(25.887.879.491)
09	Tăng các khoản phải thu		(58.609.268.932)	(4.606.608.863)
10	Tăng hàng tồn kho		(30.877.506.142)	(18.080.101.299)
11	Tăng các khoản phải trả		12.391.079.014	16.642.727.475
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(13.085.695.594)	7.112.883.261
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(14.951.321.820)	(5.048.333.277)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.021.702.615)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(99.476.801.402)	(29.867.312.194)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(37.097.240.194)	(1.765.366.829)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	390.404.546
23	Tiền chi cho vay		(50.500.000.000)	(11.000.000.000)
24	Tiền thu về cho vay		18.353.000.000	23.500.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		2.314.416.023	3.354.519.833
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(66.929.824.171)	14.479.557.550
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		77.879.140.000	72.373.545.830
33	Tiền thu từ đi vay		251.467.038.847	135.059.554.107
34	Tiền trả nợ gốc vay		(158.208.283.178)	(159.362.849.634)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		171.137.895.669	48.070.250.303
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.731.270.096	32.682.495.659
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		41.497.722.751	8.815.227.092
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	46.228.992.847	41.497.722.751

Nguyễn Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314594467 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2017 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 20 tháng 10 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Thông tin chi tiết về hoạt động chính của các công ty con được trình bày tại thuyết minh dưới đây.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1031, Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 819 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 477 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích, tỉ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon	99,99	99,99	Thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý các khoản đầu tư
2	Công ty Cổ phần Vua Nệm (i)	99,99	99,99	Hà Nội	Kinh doanh thảm, đệm, chăn, rèm, ga trải giường, gối và sản phẩm dệt may khác.

(i) Công ty nắm giữ gián tiếp công ty con này thông qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon.

2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Giả định hoạt động liên tục

Lỗi lũy kế của Công ty và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 131,1 tỷ VND. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và các công ty con phụ thuộc vào việc thu được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và/hoặc thu xếp nguồn tài chính để phục vụ cho việc trả nợ.

Dựa trên kế hoạch kinh doanh của Công ty và các công ty con cũng như các kế hoạch huy động nguồn tài chính, Ban Giám đốc của Công ty đã đánh giá rằng Công ty và các công ty con sẽ có đủ nguồn lực để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đảm bảo tiếp tục hoạt động trong năm tiếp theo mà không có bất cứ sự gián đoạn nào. Trên cơ sở này, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

3.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Tài sản cố định khác	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa được mô tả trong đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được đánh giá bởi Công ty. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh giữa các doanh nghiệp hoặc các hoạt động kinh doanh cùng dưới một sự kiểm soát chung

Giao dịch hợp nhất kinh doanh được thực hiện giữa các doanh nghiệp hoặc các hoạt động kinh doanh cùng dưới một sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh từ thời điểm hợp nhất;
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào tài khoản "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên vốn chủ sở hữu.

4.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và khi doanh thu có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá trị hợp lý của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp số dư phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ trong trường hợp tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức không có khả năng bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

4.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh đệm, chăn, ga, gối với doanh thu trong năm chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt tại quỹ	361.747.609	41.242.589
Tiền gửi ngân hàng	20.101.115.390	39.932.112.767
Tiền đang chuyển	5.066.129.848	1.524.367.395
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	20.700.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>46.228.992.847</u>	<u>41.497.722.751</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất từ 2,8% đến 3%/năm.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Trái phiếu (*)	14.951.321.820	14.951.321.820	-	-
TỔNG CỘNG	<u>14.951.321.820</u>	<u>14.951.321.820</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản đầu tư vào trái phiếu (không có tài sản đảm bảo và không hạn chế chuyển nhượng) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương và hưởng lãi suất là 6,5%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng quý và gốc được thanh toán tại thời điểm đáo hạn.

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	63.147.000.000	63.147.000.000	31.500.000.000	31.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>63.147.000.000</u>	<u>63.147.000.000</u>	<u>31.500.000.000</u>	<u>31.500.000.000</u>

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,6% đến 5,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3,8% đến 3,9%/năm). Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Nội thất Zip	132.982.449	30.569.773
Nội Thất BAYA	-	188.344.992
Phải thu khách hàng khác	1.192.611.143	520.302.926
TỔNG CỘNG	<u>1.325.593.592</u>	<u>739.217.691</u>

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Titan	10.281.798.900	1.883.698.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Trang trí Nội thất Việt Quốc	8.541.455.158	2.989.694.707
Công Ty Cổ phần Novaon Digital	8.016.204.718	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Bắc Cường	6.149.999.990	1.492.651.510
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Kim Đinh	5.806.669.132	-
Trả trước người bán khác	36.998.823.259	8.649.063.138
TỔNG CỘNG	<u>75.794.951.157</u>	<u>15.015.107.355</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khoản cho vay cá nhân (*)	1.510.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.510.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản cho vay tín chấp cho các cá nhân và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các khoản cho vay này hưởng lãi suất 7-13%/năm và lãi vay được trả hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	7.800.321.666	-	2.788.912.913	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.910.078.907	-	468.496.446	-
Phải thu khác thuế giá trị gia tăng chưa có hóa đơn	1.960.501.034	-	1.319.980.974	-
Các khoản phải thu khác	11.225.165.071	-	1.659.106.537	-
TỔNG CỘNG	22.896.066.678	-	6.236.496.870	-
Dài hạn				
Tiền đặt cọc thuê văn phòng và cửa hàng	11.230.447.075	-	7.358.947.075	-
TỔNG CỘNG	11.230.447.075	-	7.358.947.075	-

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa	84.944.460.154	-	56.025.541.024	-
Hàng mua đang đi trên đường	1.513.481.180	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	532.726.386	-	531.690.456	-
Công cụ, dụng cụ	794.684.071	-	350.614.169	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241.327.203	-	241.327.203	-
TỔNG CỘNG	88.026.678.994	-	57.149.172.852	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	5.429.419.079	5.106.185.420	10.535.604.499
- Mua trong năm	7.478.971.209	8.952.260.547	16.431.231.756
- Giảm khác	-	(662.560.471)	(662.560.471)
Số cuối năm	<u>12.908.390.288</u>	<u>13.395.885.496</u>	<u>26.304.275.784</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	1.030.568.236	3.087.958.555	4.118.526.791
- Khấu hao trong năm	1.112.433.159	2.131.650.093	3.244.083.252
- Giảm khác	-	(504.198.576)	(504.198.576)
Số cuối năm	<u>2.143.001.395</u>	<u>4.715.410.072</u>	<u>6.858.411.467</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>4.398.850.843</u>	<u>2.018.226.865</u>	<u>6.417.077.708</u>
Số cuối năm	<u>10.765.388.893</u>	<u>8.680.475.424</u>	<u>19.445.864.317</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:	
Số đầu năm	11.577.088.459
- Mua trong năm	1.251.358.455
- Giảm khác	(290.129.400)
Số cuối năm	<u>12.538.317.514</u>
Trong đó:	
<i>Đã hao mòn hết</i>	612.868.720
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	3.727.432.454
- Hao mòn trong năm	2.018.820.045
- Giảm khác	(290.129.400)
Số cuối năm	<u>5.456.123.099</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>7.849.656.005</u>
Số cuối năm	<u>7.082.194.415</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí thuê cửa hàng, mặt bằng kinh doanh	6.935.841.850	6.472.689.156
Chi phí tiếp thị, quảng cáo trả trước	2.891.173.501	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	325.134.192	265.029.102
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.285.247.171	844.201.606
TỔNG CỘNG	11.437.396.714	7.581.919.864
Dài hạn		
Chi phí lắp đặt cửa hàng	7.431.333.093	2.554.300.143
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.995.891.367	4.345.305.984
Chi phí tiếp thị, quảng cáo	1.734.111.271	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	204.489.100	235.999.960
TỔNG CỘNG	16.365.824.831	7.135.606.087

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Inoac Living Việt Nam	5.747.180.626	5.747.180.626	14.295.309.006	14.295.309.006
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu Kim Đĩnh	4.029.646.645	4.029.646.645	2.049.294.842	2.049.294.842
Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Ngọc Hạnh	3.821.852.260	3.821.852.260	2.329.214.115	2.329.214.115
Công ty TNHH TNHH Comfort Bedding	2.311.475.289	2.311.475.289	1.225.034.631	1.225.034.631
Phải trả người bán khác	11.100.134.141	11.100.134.141	18.221.334.062	18.221.334.062
TỔNG CỘNG	27.010.288.961	27.010.288.961	38.120.186.656	38.120.186.656

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khách hàng đặt cọc tiền mua hàng	3.082.269.452	3.591.028.321
TỔNG CỘNG	3.082.269.452	3.591.028.321

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/cấn trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.494.853.877	56.642.078.262	(54.520.087.546)	4.616.844.593
Thuế thu nhập cá nhân	808.064.457	1.837.517.617	(1.918.696.461)	726.885.613
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.196.257.234	(1.196.257.234)	-
Các khoản thuế, phí khác	-	423.460.195	(423.460.195)	-
TỔNG CỘNG	<u>3.302.918.334</u>	<u>60.099.313.308</u>	<u>(58.058.501.436)</u>	<u>5.343.730.206</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trích trước chi phí mua hàng hóa	31.683.948.380	16.314.808.220
Trích trước chi phí quảng cáo	3.203.234.595	1.265.116.815
Trích trước giá trị phần mềm đã hoàn thành cài đặt	1.067.692.569	2.165.617.409
Trích trước lãi vay	83.074.836	145.778.639
Trích trước khác	2.753.283.835	2.085.147.776
TỔNG CỘNG	<u>38.791.234.215</u>	<u>21.976.468.859</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	698.693.123	549.844.469
Các khoản phải trả khác	65.155.336	89.595.838
TỔNG CỘNG	<u>763.848.459</u>	<u>639.440.307</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	37.384.906.487	37.384.906.487	181.892.311.574	(156.608.283.178)	62.668.934.883	62.668.934.883	
Vay ngắn hạn đối tượng khác	1.600.000.000	1.600.000.000	-	(1.600.000.000)	-	-	
	38.984.906.487	38.984.906.487	181.892.311.574	(158.208.283.178)	62.668.934.883	62.668.934.883	
Dài hạn							
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 18.2)	-	-	69.592.195.010	-	69.592.195.010	69.592.195.010	
	-	-	69.592.195.010	-	69.592.195.010	69.592.195.010	
TỔNG CỘNG	38.984.906.487	38.984.906.487	251.484.506.584	(158.208.283.178)	132.261.129.893	132.261.129.893	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	29.159.590.972	Kỳ hạn vay 12 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 1 tháng 2 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5%	Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	33.509.343.911	Kỳ hạn vay 12 tháng với khoản vay cuối cùng được thanh toán đáo hạn vào ngày 6 tháng 7 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	6,9% - 7,25%	Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

TỔNG CỘNG

62.668.934.883

18.2 Trái phiếu phát hành

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Trái phiếu phát hành	70.000.000.000	Kỳ hạn 24 tháng. Gốc trái phiếu đáo hạn vào ngày 20 tháng 11 năm 2023. Lãi trả hàng cuối cùng.	Lãi suất trong 12 tháng đầu tiên là 12%/năm, lãi suất 6 tháng tiếp theo là 12,5% và 13% cho 6 tháng cuối cùng.	482.254 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm thuộc sở hữu của ông Hoàng Tuấn Anh và ông Nguyễn Vũ Nghĩa.

Chi phí phát hành trái phiếu

(407.804.990)

TỔNG CỘNG

69.592.195.010

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Năm trước:					
Số đầu năm	24.841.720.000	85.158.280.000	(102.317.721.774)	(581.177)	7.681.697.049
- Tăng vốn trong năm	10.719.820.000	89.553.225.830	-	-	100.273.045.830
- Lỗi thuần trong năm	-	-	(32.818.533.359)	(891.913)	(32.819.425.272)
Số cuối năm	35.561.540.000	174.711.505.830	(135.136.255.133)	(1.473.090)	75.135.317.607
Năm nay:					
Số đầu năm	35.561.540.000	174.711.505.830	(135.136.255.133)	(1.473.090)	75.135.317.607
- Tăng vốn trong năm (*)	7.497.910.000	72.564.590.000	-	4.640.000	80.067.140.000
- Phát hành cổ phiếu	394.390.000	(394.390.000)	-	-	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(89.545.830)	4.035.777.296	104.134	4.035.881.430
Số cuối năm	43.453.840.000	246.792.160.000	(131.100.477.837)	3.271.044	159.148.793.207

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01b/2021/NQ-ĐHCD ban hành ngày 03 tháng 5 năm 2021 và hợp đồng đăng ký mua vốn cổ phần ngày 22 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thực hiện chào bán riêng lẻ 749.791 cổ phiếu cho Công ty Future Changer Pte. Ltd. (pháp nhân của quỹ đầu tư Mekong Enterprise Fund III của Mekong Genesis Ltd.).

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01b/2021/NQ-ĐHCD ban hành ngày 03 tháng 5 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho Ban điều hành của Công ty trong năm 2020. Tổng số lượng cổ phiếu thưởng được phát hành thêm là 39.439 cổ phiếu mệnh giá là 10.000VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	4.345.384	3.556.154
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.345.384	3.556.154
Cổ phiếu phổ thông	4.345.384	3.556.154
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	4.345.384	3.556.154
Cổ phiếu phổ thông	4.345.384	3.556.154
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phần).

19.3 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Future Changer Pte. Ltd.	32.206.400.000	3.220.640	74,1	24.708.490.000	2.470.849	69,5
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	5.348.030.000	534.803	12,3	5.285.800.000	528.580	14,9
Ông Hoàng Tuấn Anh	2.750.560.000	275.056	6,3	2.635.160.000	263.516	7,4
Các cổ đông khác	3.148.850.000	314.885	7,3	2.932.090.000	293.209	8,2
TỔNG CỘNG	43.453.840.000	4.345.384	100	35.561.540.000	3.556.154	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

	Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con		Tổng cộng
	Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon	Công ty Cổ phần Vua Nệm	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Vốn điều lệ đã góp	5.600.000	5.600.000	11.200.000
Lỗi lũy kế	(180.703)	(7.748.253)	(7.928.956)
	5.419.297	(2.148.253)	3.271.044
Phần lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	(233)	104.367	104.134
	(233)	104.367	104.134

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	425.966.343.628	296.060.759.850
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	422.382.446.665	293.725.753.212
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.583.896.963	2.335.006.638
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	425.966.343.628	296.060.759.850

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.755.998.484	3.227.958.747
Chiết khấu thanh toán	774.913.689	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	10.000.000
TỔNG CỘNG	4.530.912.173	3.237.958.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	201.152.850.909	158.243.317.194
TỔNG CỘNG	201.152.850.909	158.243.317.194

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	4.958.998.812	5.162.592.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	99.142.291	464.589.908
Chi phí tài chính khác	103.171.504	-
TỔNG CỘNG	5.161.312.607	5.627.182.369

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (*)</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	44.833.733.064	30.508.579.723
Chi phí thuê mặt bằng	44.877.606.395	37.593.649.210
Chi phí quảng cáo	33.002.608.012	32.838.653.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.527.821.298	23.378.625.926
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ công cụ, dụng cụ	3.361.978.857	1.781.792.853
Chi phí khác	639.102.198	483.658.436
TỔNG CỘNG	158.242.849.824	126.584.959.357
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	39.133.999.718	27.962.880.278
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ công cụ, dụng cụ	2.573.768.872	2.182.398.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.411.937.841	11.417.942.007
Chi phí khác	2.149.347.570	2.442.234.757
TỔNG CỘNG	61.269.054.001	44.005.455.095

(*) Một số khoản mục của chi phí bán hàng trong năm tài chính trước đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Các khoản hỗ trợ và thưởng từ nhà cung cấp	34.263.337	2.921.707.277
Thu nhập khác	1.070.983.516	1.174.253.361
	1.105.246.853	4.095.960.638
Chi phí khác		
Chi phí hủy, thanh lý TSCĐ và công cụ dụng cụ	1.126.264.693	1.026.311.416
Chi phí phạt hành chính	331.853.166	626.724.054
Chi phí khác	282.436.024	100.155.022
	1.740.553.883	1.753.190.492
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	(635.307.030)	2.342.770.146

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa	201.152.850.909	158.243.317.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.459.075.744	97.615.311.105
Chi phí nhân công	83.967.732.782	58.471.460.001
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.262.903.297	3.964.190.906
Chi phí khác	2.822.192.002	10.539.452.440
TỔNG CỘNG	420.664.754.734	328.833.731.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) của Công ty và các công ty con là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	4.035.881.430	(32.819.425.272)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	807.176.286	(6.563.885.054)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ theo Nghị định 132/NĐ-CP	122.919.221	421.564.762
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	99.428.598	-
Lỗ năm trước chuyển sang	(3.123.393.614)	-
Điều chỉnh hợp nhất	2.093.869.509	(12.947.977.272)
Tài sản thuế hoãn lại của lỗ thuế chưa được ghi nhận	-	19.090.297.564
Chi phí thuế TNDN	-	-

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập/(lỗ) chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập/(lỗ) chịu thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập/(lỗ) chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty và các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 355.854.683.674 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 371.500.611.999 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2021	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2021
2017	2022	5.877.692.013	(5.877.692.013)	-	-
2018	2023	168.674.810.199	(21.494.660.083)	-	147.180.150.116
2019	2024	101.496.621.968	-	-	101.496.621.968
2020	2025	95.451.487.819	-	-	95.451.487.819
TỔNG CỘNG		371.500.611.999	(27.372.352.096)	-	344.128.259.903

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế nêu trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Chi phí lãi vay vượt ngưỡng theo quy định của Nghị định 132/NĐ-CP

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng theo quy định của Nghị định 132/NĐ-CP sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2021	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2021
2018	2023	319.509.762	-	-	319.509.762
2019	2024	1.731.624.394	-	-	1.731.624.394
2020	2025	2.107.823.812	-	-	2.107.823.812
2021	2026	614.596.106	-	-	614.596.106
TỔNG CỘNG		4.773.554.074	-	-	4.773.554.074

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chi phí lãi vay nêu trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Future Changer Pte. Ltd.	Cổ đông kiểm soát	Nhận tiền đi vay	-	23.100.000.000
		Nhận tiền góp vốn	80.062.500.000	69.975.000.000
		Chuyển đổi khoản đi vay thành vốn góp	-	27.876.000.000
		Trả tiền đi vay	-	23.263.175.000
		Trả tiền lãi vay	-	173.175.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty thực hiện các giao dịch mua bán hàng với các bên liên quan theo mức giá bán thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (**)	500.238.133	-
	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc (***)	-	420.000.000
	Tổng Giám đốc	860.408.021	713.000.000
TỔNG CỘNG		1.360.646.154	1.133.000.000

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

(**) Bỏ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2021

(***) Miễn nhiệm ngày 13 tháng 10 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Công ty và các công ty con hiện đang thuê các cửa hàng bán hàng và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	87.607.243.379	50.699.143.379
Từ 1 đến 5 năm	299.200.331.158	128.114.231.158
Trên 5 năm	14.682.000.000	480.000.000
TỔNG CỘNG	<u>401.489.574.537</u>	<u>179.293.374.537</u>

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	4.035.777.296	(32.818.533.359)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>4.035.777.296</u>	<u>(32.818.533.359)</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.917.697	2.775.511
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.917.697	2.775.511
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu		
- Lãi/(lỗ) cơ bản	1.030	(11.824)
- Lãi/(lỗ) suy giảm	1.030	(11.824)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:

Ngoại tệ các loại:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	267,9	281,1

32. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty và các công ty con đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

33. CÁC SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Nguyễn Thanh Thủy
Người lập



Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng




Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2022